TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29/12/2023
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liêng Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Văn Tường

2. Ông Nguyễn Chí Dũng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đinh Thanh Thảo, là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 240/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp Ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 159/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Lê Văn S**, sinh năm 1978; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Bà **Đặng Thị O**, sinh năm 1988; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn – ông Lê Văn S trình bày: ông và bà Đặng Thị O tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ năm 2012. Ông bà chung sống hạnh phúc không bao lâu thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do cuộc sống khó khăn, thường xuyên phải đi làm xa nhau, từ đó dẫn đến tình cảm ngày càng xa cách, vợ chồng không còn có tiếng nói chung. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2013. Nay ông nhận thấy không còn tình cảm với bà O nên yêu cầu ly hôn, giữa ông và bà O không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Lê Văn S và bà Đặng Thị O xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13/2012, quyển số 01, ngày 30/01/2012 là hôn nhân hợp pháp. Ngày 18/5/2023 ông S yêu cầu ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại huyện P nên Tòa án nhân dân huyện Phong Điền thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Nguyên đơn Lê Văn S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn Đặng Thị O theo quy định pháp luật nhưng bà O vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn như theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo lời khai của ông S, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã không còn sống chung kể từ năm 2013 đến nay. Xét thấy, ông S và bà O phát sinh mâu thuẫn là có thật, thời gian xa cách đã lâu nhưng vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được tình cảm, đã không còn quan tâm, chăm sóc nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa ông S và bà O đã lâm vào tình trạng trầm trọng, có kéo dài quan hệ hôn nhân thì mục đích hôn nhân cũng không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S về việc ly hôn với bà O theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung, ông S và bà O không có con chung. Về tài sản chung và nợ chung, ông S khai không có, bà O không thể hiện yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Văn S đối với bà Đặng Thị O.

- *Về con chung:* không có.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* chưa xem xét giải quyết.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: ông S nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu 0001647 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P thành án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Liêng Thị Hồng Hoa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. P;
- THADS H. P;
- UBND xã T;
- Lưu HS (2b).